

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№: KD 6648290

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **51C-883.40** Số quản lý: 5003S-039888
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (thùng kín)

Nhãn hiệu: (Mark) SUZUKI

Số loại: (Model code) SK410K

Số máy: (Engine Number) F10A-1083112

Số khung: (Chassis Number) DA21TVN108599

Năm, Nước sản xuất: 2005, Việt Nam Niên hạn SD: 2030
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) ☐ Cải tạo (Modification) ☒

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1205/1200 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 3290 x 1410 x 2100 (mm)

Kích thước bao thùng xe (Outside cargo container dimension)
1950x1400x1350 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 1840 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 790 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 550/550 (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1450/1450 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 970 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 32(kW)/5300vph

Số sê-ri: (No.) **KD-6648290** 1966763526

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 5.00-12

2: 2; 5.00-12

TP. HCM, ngày 25 tháng 6 năm 2021

Số phiếu kiểm định

(Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

5002S-24296/21

(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **24/12/2021**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) ☐

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) ☐

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ho Chi Minh city's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 228853

Tên chủ xe (Owner's full name):		Số máy (Engine N°):	
CN TÔNG CTY THUỐC LÁ VN CTY TM MN		F10A1083112	
Địa chỉ (Address):		Số khung (Chassis N°):	
362-364 Nguyễn T M Khai P5 Q3		A21TVN108599	
Nhãn hiệu (Brand): SUZUKI		Số loại (Model code): SK410K	
Loại xe (Type): Tải thùng kín		Dung tích (Capacity): 970	
Màu sơn (Color): Trắng			
Tải trọng: Hàng hoá 550 kg; Số chỗ ngồi (Sit): 2		đứng (Stand): năm (Lie):	
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2030			
Hộ Chủ Minh, ngày (date): 10 tháng/1 năm 2017			
Biển số đăng ký (N° Plate): TS		TRƯỜNG PHÒNG	
51C-883.40			
Đăng ký lần đầu ngày: 23/05/2005		THƯỜNG TA Trần Văn Chương	